TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **31**/2024/DS-ST
Ngày: 26-6-2024
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Bùi Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Trao.

Bà Lê Thị Kim Xuyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 344/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 324/2024/QĐXXST-DS ngày 09/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 421/2024/QĐST-DS ngày 31/5/2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Thế S, sinh năm 1971

Địa chỉ thường trú: 394A Lê Văn S, phường 14, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Ấp X, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền:

1/ Bà Lương Thị L, sinh năm 1990.

2/ Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ liên hệ: Công ty Luật T, khu trung tâm hành chính huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh D, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp LH, xã LT, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp X, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L, bà T có đơn xin vắng mặt; ông D vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 18/9/2023, bản tự khai và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn ông Trần Thế S có người đại diện theo ủy quyền là bà Lương Thị L trình bày:*

Vào ngày 19/12/2022 ông S có cho ông Nguyễn Minh D vay số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) theo " Giấy mượn tiền" đề ngày 19/12/2022. Thời gian cho vay là 06 tháng kể từ ngày nhận tiền, không tính lãi suất. Ông S đã giao đủ cho ông D số tiền 120.000.000 đồng. Kể từ đó đến nay, ông D chưa trả bất kỳ khoản tiền nào. Ông S có nhiều lần gặp ông D để đòi số tiền trên nhưng ông D lẩn tránh không trả tiền cho ông.

Ngoài ra, từ tháng 3/2021, ông D có nhờ ông S đứng ra chơi hụi giùm cho ông D, hụi do bà Huỳnh Thị Kim A làm chủ, khui hụi ngày 05/3/2021, hụi đóng theo tháng, hụi chết tháng đóng 5.000.000 đồng, hụi sống tháng đóng 3.600.000 đồng, tổng có 26 chân hụi. Đến tháng thứ 8 ông D có nhờ ông hốt hụi, được tổng số tiền 99.800.000 đồng, trừ đi tiền thảo cho chủ hụi 2.500.000 đồng, còn lại 97.300.000 đồng. Ông S đã giao cho ông D đủ số tiền hụi là 97.300.000 đồng.

Sau khi hốt hụi, ông D không đưa đủ tiền hàng tháng cho ông để đóng hụi chết và ông D có nhờ ông đóng hụi chết hàng tháng. Sau khi mãn hụi, ông S chốt lại đã đóng cho ông D 7 tháng hụi chết với số tiền là 35.000.000 đồng. Đến nay ông D vẫn chưa trả tiền ông đã đóng hụi chết cho ông D.

Tại đơn khởi kiện ngày 18/9/2023, ông S yêu cầu Tòa án buộc ông D phải trả số tiền vay là 120.000.000 đồng theo " Giấy mượn tiền" đề ngày 19/12/2022, không yêu cầu tính lãi suất. Ông S vẫn giữ nguyên yêu cầu này đối với ông D.

Còn đối với số tiền hụi ông S đã bỏ ra đóng cho ông D (7 tháng) thì ông xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này, tạm thời không yêu cầu ông D phải trả số tiền 35.000.000 đồng trong cùng vụ án này.

Số tiền 120.000.000 đồng là số tiền chung của ông S và bà Nguyễn Thị T trong thời gian chung sống với nhau như vợ chồng.

Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Bị đơn ông Nguyễn Minh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc, không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

* Theo bản tự khai ngày 09/5/2024, n*gười có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày*:

Bà chung sống như vợ chồng với Trần Thế S. Số tiền 120.000.000 đồng mà ông S cho ông D vay ngày 19/12/2022 là tiền chung của bà và ông S dành dụm, tích góp được trong thời gian sống chung. Nay bà thống nhất với phần trình bày của ông S có tại hồ sơ vụ án, yêu cầu Tòa án buộc ông D phải trả số tiền 120.000.000 đồng cho bà và ông S, không yêu cầu tính lãi suất. Còn đối với số tiền hụi ông D nợ bà và ông S thì tạm thời thống nhất với ý kiến của ông S, ông bà sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác nếu cần thiết.

Do vấn đề về sức khỏe nên bà xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến*:

Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự, thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Trần Thế S yêu cầu ông Nguyễn Minh D trả lại cho số tiền nợ gốc l20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở để chấp nhận vì ông D đã được tòa án tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của tố tụng dân sự; tuy nhiên ông D không có lời khai hay cung cấp bất cứ chứng cứ gì cho tòa án để bảo vệ quyền lợi cho mình thì xem như ông D đã từ bỏ quyền của mình.

Căn cứ vào quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thế S; buộc ông Nguyễn Minh D trả lại cho ông Trần Thế S số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất và phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; đình chỉ đối với yêu cầu tranh chấp về hợp đồng góp hụi do nguyên đơn rút yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền bà Lương Thị L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Minh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Trần Thế S khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Minh D phải trả số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) theo " Giấy mượn

tiền" đề ngày 19/12/2022, không yêu cầu tính lãi suất và số tiền hụi là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng). Qua xác minh tại Công an xã LT, huyện N thì ông D có hộ khẩu thường trú tại ấp tổ 5, ấp LH, xã LT, huyện N, tỉnh Đồng Nai và chưa cắt khẩu chuyển đi nơi khác. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của ông S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai. Quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng góp hụi".

[3] Về tư cách đương sự trong vụ án: Căn cứ Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định ông Trần Thế S là nguyên đơn; ông Nguyễn Minh D là bị đơn, bà Nguyễn Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thế S yêu cầu ông Nguyễn Minh D phải trả số tiền 120.000.000 đồng:

Vào ngày 19/12/2022 ông S có cho ông Nguyễn Minh D vay số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), các bên có lập "Giấy mượn tiền" đề ngày 19/12/2022 trong đó ông Nguyễn Minh D ký tên ghi rõ họ tên ở phần "bên mượn". Theo thỏa thuận của các bên, thời gian cho vay là 06 tháng kể từ ngày nhận tiền, không tính lãi suất; mục đích cho vay là để làm ăn. Ông S đã giao đủ cho ông D số tiền 120.000.000 đồng. Tuy nhiên, hết thời hạn cho vay ông D không trả bất kỳ khoản tiền nào cho ông S mà còn lẩn tránh nên làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông S.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông S cung cấp cho Tòa án bản chính tờ giấy mượn tiền đề ngày 19/12/2022 trong đó có chữ ký, chữ viết của D ở phần người mượn. Như vậy, sự việc ông Nguyễn Minh D có vay của ông Trần Thế S số tiền 120.000.000 đồng theo giấy mượn tiền 19/12/2022 là có thật nên ông S khởi kiện yêu cầu ông D phải trả số 120.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định"* và tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*".

Từ những nhận định trên, cần xử buộc ông Nguyễn Minh D phải trả cho ông Trần Thế S số tiền là 120.000.000 đồng.

Nguyên đơn ông Trần Thế S không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền đã cho ông D vay nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thế S yêu cầu ông Nguyễn Minh D phải trả số tiền nợ hụi là 35.000.000 đồng thì thấy rằng:

Ngày 09/5/2024, nguyên đơn ông Trần Thế S có đơn đề xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ hụi, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này.

Xét việc rút yêu cầu trên của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí cần buộc bị đơn đơn ông Nguyễn Minh D phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền 120.000.000 đồng là 6.000.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Trần Thế S số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 3.800.000 đồng (ba triệu tám tram nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002171 ngày 19/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463; 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thế S đối với bị đơn ông Nguyễn Minh D về " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Nguyễn Minh D phải trả cho ông Trần Thế S số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trả số tiền nợ hụi là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

Hậu quả của việc đình chỉ yêu cầu khởi kiện: Ông S được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D trả tiền nợ hụi bằng một vụ án khác theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Minh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Trần Thế S số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 3.800.000 đồng (ba triệu tám trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002171 ngày 19/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được qui định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
-TA tỉnh ĐN;
-VKS, THA cùng cấp;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thu Trang